

Số: 424/QĐ-UBND

Phú La, ngày 19 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp
Tiêu chuẩn quốc gia theo TCVN ISO 9001:2015

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG PHÚ LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 21/01/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Mô hình khung HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống HCNN tại địa phương;

Theo đề nghị của Công chức Văn phòng - Thống kê,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại UBND phường Phú La phù hợp Tiêu chuẩn ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Ban lãnh đạo, Ban Chỉ đạo ISO, các bộ phận chuyên môn, cán bộ, công chức, người lao động thuộc UBND phường thường xuyên triển khai áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo phạm vi đã công bố.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Văn phòng Thống kê, các bộ phận, ngành chuyên môn có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- UBND quận (để b/c);
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Phan Cao Đăng

PHỤ LỤC
CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA UBND PHƯỜNG PHÚ LA ĐƯỢC CÔNG BỐ
PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015
(Ban hành kèm theo Quyết định 424/QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2021)

STT	Lĩnh vực áp dụng
Các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia và mô hình khung HTQLCL	
1.	Chính sách chất lượng
2.	Mục tiêu chất lượng
3.	Bản mô tả mô hình Hệ thống quản lý chất lượng
4.	Quy trình kiểm soát thông tin dạng văn bản (tài liệu và hồ sơ)
5.	Quy trình quản lý rủi ro và cơ hội
6.	Quy trình đánh giá nội bộ hệ thống quản lý chất lượng
7.	Quy trình kiểm soát và xử lý công việc không phù hợp
8.	Quy trình thực hiện hành động khắc phục
9.	Quy trình họp xem xét của lãnh đạo về hệ thống quản lý chất lượng
Các quy trình giải quyết TTHC	
1. Lĩnh vực Giáo dục	
10.	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học
11.	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập
12.	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại
13.	Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập
14.	Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)
2. Lĩnh vực Tôn giáo	
15.	Thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn 01 xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc
16.	Thông báo thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung
17.	Thông báo thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác
18.	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã
19.	Đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung

20.	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã
21.	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã
22.	Đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung
23.	Đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng
24.	Đăng ký hoạt động tín ngưỡng
3. Lĩnh vực Thi đua khen thưởng	
25.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị
26.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề
27.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đột xuất
28.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình
29.	Xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến
4. Lĩnh vực Văn hóa thông tin	
30.	Xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm
31.	Xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa
32.	Thông báo tổ chức lễ hội cấp xã
33.	Thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng
34.	Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia tách thư viện đối với thư viện cộng đồng
35.	Thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng
36.	Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở
5. LĨNH VỰC TƯ PHÁP	
5.1. Hộ tịch	
37.	Đăng ký khai sinh
38.	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân
39.	Đăng ký khai sinh lưu động
40.	Đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con
41.	Đăng ký lại khai sinh
42.	Đăng ký kết hôn

43.	Đăng ký kết hôn lưu động
44.	Đăng ký lại kết hôn
45.	Đăng ký khai tử
46.	Đăng ký khai tử lưu động
47.	Đăng ký lại khai tử
48.	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch
49.	Đăng ký nhận cha, mẹ, con
50.	Đăng ký giám hộ
51.	Đăng ký chấm dứt giám hộ
52.	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
53.	Cấp bản sao trích lục hộ tịch
5.2. Chứng thực	
54.	Cấp bản sao từ sổ gốc
55.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận
56.	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
57.	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch
58.	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch
59.	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực
60.	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở
61.	Chứng thực di chúc
62.	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản
63.	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở
64.	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở

5.3. Con nuôi	
65.	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước
66.	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước
5.4. Phổ biến giáo dục pháp luật	
67.	Công nhận tuyên truyền viên pháp luật
68.	Cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật
5.5. Bồi thường nhà nước	
69.	Giải quyết bồi thường tại cơ quan có trách nhiệm bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính
5.6. Hòa giải viên	
70.	Công nhận hòa giải viên
71.	Công nhận tổ trưởng tổ hòa giải
72.	Thôi làm hòa giải viên
73.	Thanh toán thù lao cho hòa giải viên
5.7. Thủ tục liên thông	
74.	Đăng ký khai sinh - Đăng ký thường trú - cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 06 tuổi (trường hợp trẻ có cha/mẹ hoặc người nuôi dưỡng, chăm sóc có đăng ký thường trú trên địa bàn cấp huyện)
75.	Đăng ký khai sinh - Cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 06 tuổi (trường hợp trẻ có cha/mẹ hoặc người nuôi dưỡng không có đăng ký thường trú mà chỉ có đăng ký tạm trú trên địa bàn cấp huyện)
76.	Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải
6. Lĩnh vực Thanh tra	
6.1. Xử lý đơn thư	
77.	Xử lý đơn
6.2. Giải quyết khiếu nại	
78.	Giải quyết khiếu nại lần đầu
6.3. Giải quyết tố cáo	
79.	Giải quyết tố cáo

6.4. Tiếp công dân	
80.	Tiếp công dân
7. Lĩnh vực Địa chính – Xây dựng – đô thị - môi trường	
Môi trường	
81.	Tham vấn cộng đồng trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường
82.	Xác nhận hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích
Đường thủy nội địa	
83.	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa
84.	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa
85.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp thay đổi tên, tính năng kỹ thuật
86.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện
87.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện
88.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác
89.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện
90.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa
91.	Xóa giấy chứng nhận đăng ký phương tiện
Đất đai	
92.	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu
93.	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất, thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận.

94.	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế đất liền kề
95.	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế
96.	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu
97.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất
98.	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp
99.	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được nhà nước giao đất để quản lý
100.	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận
101.	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp.
102.	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân (Đối với trường hợp thực hiện cấp đổi đồng loạt theo chủ trương "đồn điền đổi thửa")
Đăng ký biện pháp đảm bảo	
103.	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (gồm trường hợp đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất hoặc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hoặc đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất)

104.	Đăng ký thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở, nhà ở hình thành trong tương lai
105.	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất không phải là nhà ở mà tài sản đó đã được hình thành nhưng chưa được chứng nhận quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận
106.	Đăng ký bảo lưu quyền sở hữu trong trường hợp mua bán tài sản gắn liền với đất có bảo lưu quyền sở hữu
107.	Đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký
108.	Sửa chữa sai sót nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký do lỗi của cơ quan đăng ký
109.	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
110.	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở
111.	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất

8. Lĩnh vực Lao động, thương binh và xã hội

8.1. Người có công

112.	Xác nhận liệt sĩ
113.	Xác nhận liệt sĩ đối với người thuộc lực lượng quân đội, công an hy sinh trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ
114.	Xác nhận liệt sĩ đối với người không thuộc lực lượng quân đội, công an hy sinh trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ
115.	Đổi hoặc cấp lại Bằng Tổ quốc ghi công
116.	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến
117.	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến
118.	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng
119.	Giải quyết chế độ đối với thân nhân liệt sĩ

120.	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ
121.	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ
122.	Xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ
123.	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng
124.	Giải quyết chế độ đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến
125.	Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học
126.	Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học
127.	Giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày
128.	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế
129.	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính Phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
130.	Thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ
131.	Giải quyết mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần
132.	Giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng khi người có công từ trần
133.	Xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ; đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ
134.	Ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi

135.	Hồ sơ, thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến được tặng huân chương, huy chương chết trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi
8.2. Lao động, tiền lương và quan hệ lao động	
136.	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm – pu – chia
8.3. Bảo trợ xã hội	
137.	Tiếp nhận đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vào cơ sở trợ giúp trẻ em
138.	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp thành phố
139.	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện
140.	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng
141.	Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc Thành phố
142.	Hỗ trợ kinh phí nhận nuôi dưỡng, chăm sóc đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp
143.	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)
8.4. Bảo trợ xã hội – giảm nghèo	
144.	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở
145.	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi phí mai táng
146.	Xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế
147.	Công nhận hộ nghèo, cận nghèo phát sinh trong năm
148.	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm

149.	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn
150.	Thực hiện điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng
151.	Xác nhận, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp giấy xác nhận khuyết tật
152.	Đổi, cấp lại giấy xác nhận khuyết tật
8.5. Phòng chống tệ nạn xã hội	
153.	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân
154.	Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình
155.	Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng
8.6. Bảo vệ, chăm sóc trẻ em	
156.	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em
157.	Châm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em
158.	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt
159.	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em
160.	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em
161.	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế
9. Y tế	
162.	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số
10. Nông nghiệp	
163.	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai
164.	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh
165.	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu

11. Tài chính	
166.	Quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp không phải lập thành sự án đầu tư
III. Quy trình quản lý nội bộ	
167.	Tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của UBND phường Phú La
168.	Quản lý và giải quyết văn bản đi, đến của UBND phường Phú La
169.	Quy trình Xin phép nghỉ của cán bộ, công chức thuộc UBND phường Phú La
170.	Xây dựng lịch công tác tuần của phường và lịch công tác tuần của cá nhân tại UBND phường Phú La
171.	Khắc phục sự cố công nghệ thông tin
172.	Tổ chức cuộc họp, hội nghị của UBND phường Phú La
173.	Đăng tin, bài, ảnh trên Trang thông tin điện tử và hệ thống đài truyền thanh thuộc UBND phường Phú La
174.	Thực hiện thanh quyết toán tại cơ quan UBND phường Phú La
IV. Quy trình lĩnh vực quân sự	
175.	Đăng ký tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật đã sắp xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập.
176.	Xóa đăng ký tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật đã sắp xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội
177.	Giải quyết chế độ hưu trí hàng tháng đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhập ngũ từ ngày 30/4/1975 trở về trước, có đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ trước ngày 01/4/2000
178.	Trợ cấp đối với dân quân bị ốm hoặc đối với thân nhân khi dân quân bị ốm dẫn đến chết.
179.	Trợ cấp đối với dân quân bị tai nạn hoặc đối với thân nhân khi dân quân bị tai nạn dẫn đến chết.
180.	Đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu.
181.	Đăng ký phục vụ trong ngạch dự bị

182.	Đăng ký nghĩa vụ quân sự bổ xung
183.	Đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đi khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập
184.	Đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đến khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập
185.	Đăng ký nghĩa vụ quân sự tạm vắng
186.	Đăng ký miễn gọi nhập ngũ thời chiến
187.	Giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu nhập ngũ sau 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có đủ từ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên xuất ngũ, thôi việc.
188.	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp 1 lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có đủ từ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu phục viên xuất ngũ, thôi việc (đối tượng từ trần).

